TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 01 - 2020
"V/v: Tranh chấp về
Hôn nhân và Gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quang Thạch.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Th trong đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019, bản tự khai ngày 04/11/2019, biên bản hòa giải ngày 22/11/2019 và tại phiên tòa trình bày:*

Chị và anh Lê Xuân H yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/7/2013. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh H thuộc thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng hơn hai năm thì đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, anh H hay uống rượu, bia, đánh bạc, không quan tâm đến cuộc sống

gia đình dẫn đến vợ chồng hay cải vã nhau, làm sứt mẻ tình cảm, ngoài ra còn có mâu thuẫn giữa chị và gia đình nhà chồng. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Lê Xuân H.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung là Lê Xuân Th, sinh ngày 30/10/2013, hiện đang sinh sống cùng chị Th. Sau ly hôn, chị Th nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Xuân H tại phiên tòa vắng mặt, những tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/11/2019, anh Hùng trình bày:* Việc kết hôn, chung sống và phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh H cơ bản nhất trí như trình bày của chị Lê Thị Th. Theo trình bày của anh H thì vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên nếu chị Th yêu cầu ly hôn thì anh chấp nhận theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung: Vợ chồng anh và chị Th có một con chung như chị Lê Thị Th trình bày; nguyện vọng nếu ly hôn anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Lê Thị Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án: Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành lập hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật, gửi thông báo thụ lý vụ án dân sự cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp, tiến hành gửi và mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo theo luật định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th, cụ thể: Về tình cảm: Xử cho chị Lê Thị Th ly hôn đối với anh Lê Xuân H. Về con chung: Giao con chung Lê Xuân Th cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 02 năm 2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Xuân H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc chị Lê Thị Th xin ly hôn, nhưng anh Lê Xuân H chỉ có mặt tại buổi hòa giải ngày 22/11/2019 và tại buổi hòa giải này các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong ngày 22/11/2019, Tòa án nhận được đơn của anh Lê Xuân H đề ngày 18/11/2019, trình bày do điều kiện công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử qua xem xét quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Xuân H theo quy định tại Điều 227 và Điều 2228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Th tại phiên tòa thì chị Lê Thị Th và anh Lê Xuân H kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/7/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2013, nên hôn nhân của chị Th và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được chị Th và anh H xác nhận chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, anh H hay uống rượu bia, đánh bài, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Năm 2017 chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Trong quá trình hòa giải hai bên thừa nhận mâu thuẫn không thể giải quyết được và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th yêu cầu ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh H; nguyên đơn chị Thanh xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H xảy ra thời gian dài không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, qua xem xét Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Th, xử cho chị Th ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh H có một con chung là cháu Lê Xuân Th, sinh ngày 30/10/2013, hiện đang sinh sống cùng chị Th. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trước đó anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được chị Th đảm bảo về mọi mặt cuộc sống. Vì vậy, cần giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung là phù hợp về điều kiện sống, học tập và phát triển của con chung; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn, bị đơn anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Xuân H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Xuân Th, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0005888 ngày 15/10/2019 (Chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí). Bị đơn anh Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2020); bị đơn anh Lê Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Lệ Thủy;*
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- UBND xã S (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hải